

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NAM DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NAM DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM DUONG TRADE AND DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108150385

**3. Ngày thành lập:** 29/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngách 8/11 đường Lê Quang Đạo, tổ dân phố số 6, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988887463

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                | 6202        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                          | 4210        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                | 4651        |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4741        |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                              | 4100        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                  | 4669(Chính) |
| 7.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                         | 7820        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động trông giữ ô tô, xe máy | 5221        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông                                           | 4220        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                  | 4312        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                              | 4321        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                    | 4322        |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                     | 4330        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                 | 4652        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                           | 7020        |
| 16. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                    | 0810        |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh               | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299 |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4290 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390 |
| 23. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6209 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710 |
| 26. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:- Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820 |
| 27. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6810 |
| 28. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6492 |
| 29. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) loại mới và loại đã qua sử dụng;<br>+ Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng:<br>- Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;<br>- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;<br>- Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;<br>- Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa. | 4511 |
| 30. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4512 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>+ Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới ô tô con 12 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng;<br>+ Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4513 |
| 32. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...<br>+ Bán lẻ, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô con loại 12 chỗ ngồi trở xuống như: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...<br>+ Hoạt động của các đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác. | 4530 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663 |
| 34. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7830 |
| 35. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311 |

**6. Vốn điều lệ:** 39.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRỊNH NAM DƯƠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/02/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031078002205

Ngày cấp: 30/05/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quán Rẽ, Xã Mỹ Đức, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Quán Rẽ, Xã Mỹ Đức, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH NAM DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031078002205

Ngày cấp: 30/05/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quán Rẽ, Xã Mỹ Đức, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Quán Rẽ, Xã Mỹ Đức, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội